

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 140 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 22 tháng 01 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử (CQĐT) tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0 với những nội dung chính sau:

#### 1. Mục tiêu

a) Là cơ sở giúp lãnh đạo tỉnh đưa ra các quyết định đầu tư triển khai CQĐT chính xác, kịp thời.



b) Tăng cường khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin.

c) Tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư; đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai của cơ quan nhà nước tại tỉnh Cao Bằng.

d) Nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế tại tỉnh Cao Bằng.

đ) Tạo cơ sở xác định các thành phần, hệ thống công nghệ thông tin cần xây dựng và lộ trình, trách nhiệm triển khai CQĐT của tỉnh Cao Bằng.

## **2. Định hướng phát triển CQĐT tỉnh Cao Bằng**

a) Nâng cao nhận thức, vai trò của người đứng đầu, các cấp lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước trong xây dựng CQĐT.

b) Bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc triển khai CQĐT tỉnh Cao Bằng.

c) Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển CQĐT phù hợp với nền tảng phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam.

d) Xây dựng, phát triển CQĐT bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số hướng tới xây dựng nền kinh tế số và xã hội số.

e) Xây dựng CQĐT bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân.

g) Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng CQĐT tỉnh Cao Bằng.

## **3. Nguyên tắc xây dựng Kiến trúc CQĐT 2.0 tỉnh Cao Bằng**

a) Tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam 2.0.

b) Áp dụng các mô hình tham chiếu: Nghiệp vụ, Ứng dụng, Dữ liệu, Công nghệ và An toàn thông tin.

c) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) là trung tâm kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia.

d) Về nghiệp vụ:

- Đặt mục tiêu đối tượng phục vụ chính là người dân và doanh nghiệp (Dịch vụ công, dịch vụ tại nhà, kênh giao tiếp, thanh toán trực tuyến).



- Hỗ trợ tái cấu trúc, nâng cấp, hoàn thiện các nghiệp vụ, đảm bảo Kiến trúc CQĐT tỉnh phiên bản 2.0 thống nhất, tường minh, hiệu quả, thúc đẩy đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Bổ sung Kiến trúc nghiệp vụ tạo ra dịch vụ liên thông phục vụ các đối tượng sử dụng với quan điểm Kiến trúc nghiệp vụ phải làm đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua tính tái sử dụng của dữ liệu.

đ) Về Ứng dụng:

- Ưu tiên triển khai nền tảng, ứng dụng, dịch vụ dùng chung của tỉnh Cao Bằng;

- Triển khai ứng dụng theo kiến trúc hướng dịch vụ (SOA), dịch vụ siêu nhỏ (Microservice);

- Áp dụng cơ chế đăng nhập một lần, sử dụng một tài khoản người dùng để truy cập nhiều ứng dụng khác nhau có liên thông, kết nối.

e) Về Dữ liệu:

- Ưu tiên kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các bộ, ngành, địa phương khác đối với dữ liệu đã có, đã được thu thập và được phép khai thác.

- Phát triển các cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung, kho dữ liệu để phục vụ công tác quản lý, thống kê, báo cáo.

- Quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Chuyển đổi dữ liệu sang dữ liệu số.

g) Về hạ tầng và an toàn thông tin:

- Ứng dụng ảo hóa hạ tầng trên cơ sở hạ tầng vật lý để tối ưu hóa cơ sở hạ tầng.

- Ứng dụng điện toán đám mây hỗ trợ triển khai hạ tầng, ứng dụng, nền tảng một cách linh hoạt nhằm huy động tối đa nguồn lực hạ tầng.

- Các vấn đề về an toàn thông tin cần phải được nhận diện và có giải pháp toàn diện.

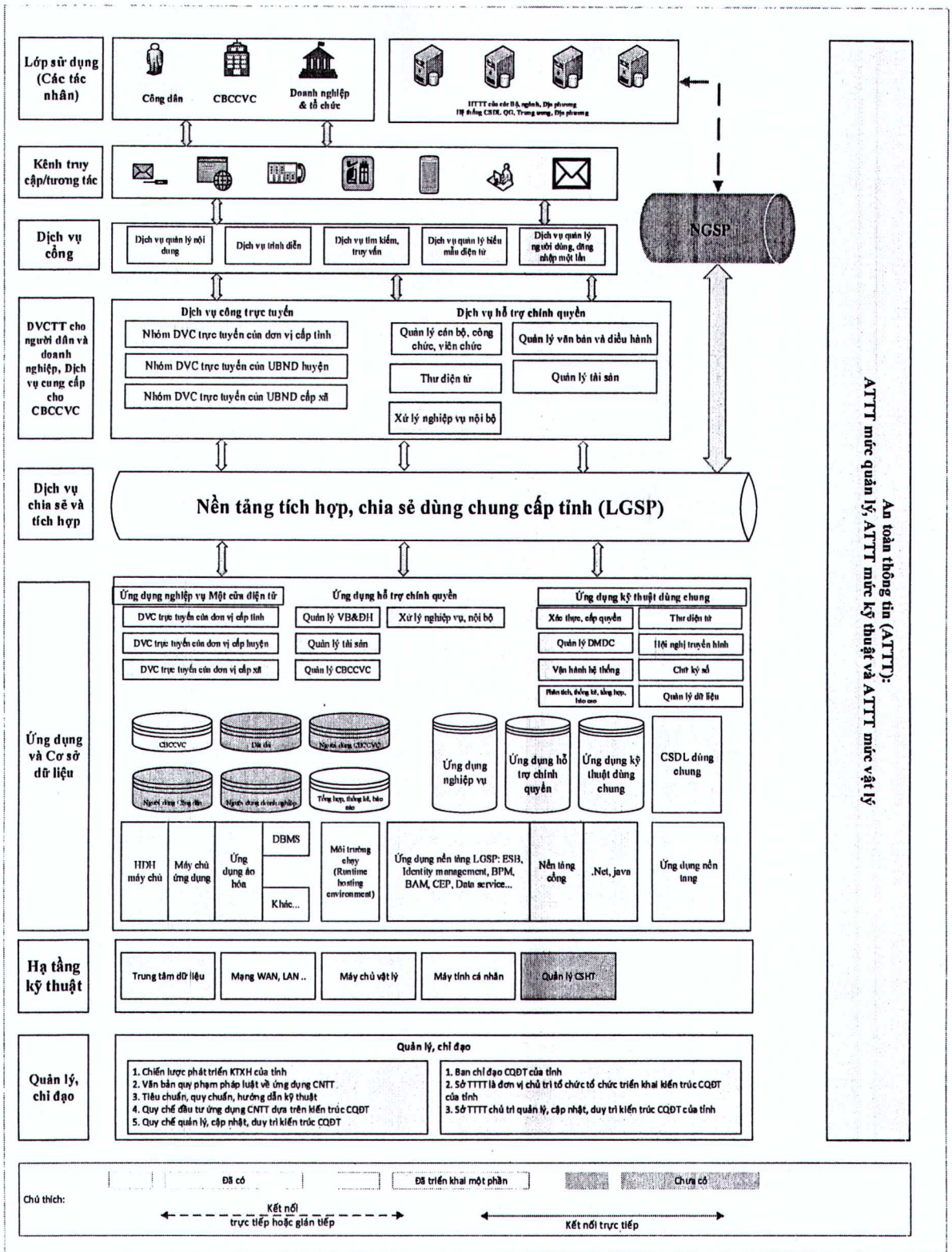
h) Áp dụng các tiêu chuẩn mở, thông dụng, phổ biến.

i) Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và liên thông giữa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh kết nối với các hệ thống thông tin của Quốc gia.

#### **4. Mô hình Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng**

Trên cơ sở tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0 tại Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông, sơ đồ tổng thể Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng như sau:





Mô tả chi tiết các thành phần trong Kiến trúc gồm có:

a) Người sử dụng

Có 2 nhóm người sử dụng chính:

- Nhóm người dân, doanh nghiệp là những cá nhân, tổ chức sử dụng các dịch vụ do tỉnh cung cấp như: Đọc, tra cứu thông tin trên Cổng thông tin điện tử



của tỉnh; tra cứu, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; sử dụng các dịch vụ khác....;

- Nhóm cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống thông tin của tỉnh để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; các hệ thống nghiệp vụ nội bộ của tỉnh (tài chính, nhân sự...) và các hệ thống thông tin chuyên ngành khác.

#### b) Kênh truy cập/tương tác

Cung cấp các kênh giao tiếp, truy cập sau để phục vụ người sử dụng:

- Qua môi trường Internet như: Cổng Dịch vụ công trực tuyến; Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Hệ thống xử lý nghiệp vụ thông qua các thiết bị như: Máy tính; thiết bị di động; Điểm truy cập, tương tác (Kiosk) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 100% Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

- Ngoài môi trường Internet như: Các kênh thoại, dịch vụ bưu chính công ích, tin nhắn hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 100% Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

#### c) Dịch vụ công thông tin điện tử

Cổng thông tin điện tử là thành phần đảm bảo cho người sử dụng có thể truy cập đến các thông tin trực tuyến và cũng là giao diện giữa người sử dụng với các dịch vụ CQĐT. Cổng thông tin điện tử cung cấp chức năng liên quan trực tiếp đến việc quản lý người sử dụng dịch vụ (cả nội bộ và bên ngoài), quản lý nghiệp vụ tương tác với người sử dụng. Thành phần này đảm bảo sự thống nhất quản lý về truy cập đến cả người sử dụng dịch vụ và các ứng dụng dịch vụ thông qua các kênh truy cập khác nhau.

#### d) Dịch vụ công trực tuyến

Đây là những dịch vụ công mà cơ quan nhà nước cung cấp trực tuyến các mức độ cho người dân và doanh nghiệp. Ưu tiên tích hợp các danh mục dịch vụ công cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo Quyết định số 411/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

#### đ) Ứng dụng và CSDL

Thành phần này bao gồm các ứng dụng cần thiết cho hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Ứng dụng ở đây, được phân loại thành các ứng dụng nội bộ, các ứng dụng của tỉnh, các ứng dụng dùng chung cấp Quốc gia và các ứng dụng phục vụ tổng hợp và báo cáo.

##### - Ứng dụng cấp tỉnh:

Bao gồm các ứng dụng nghiệp vụ dùng chung trong tỉnh như: Mạng văn phòng điện tử liên thông; hệ thống Quản lý cán bộ công chức, viên chức, hệ thống quản lý CSDL dùng chung của tỉnh...

##### - Ứng dụng nội bộ:

Thành phần này bao gồm các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành, hỗ trợ các hoạt động trong nội bộ các cơ quan nhà nước tỉnh Cao Bằng.



Một số ứng dụng tiêu biểu bao gồm: Quản lý tài sản; các hệ thống thông tin chuyên ngành...

- Ứng dụng về tổng hợp và báo cáo:

Các ứng dụng này tổng hợp thông tin chuyên ngành, thông tin kinh tế - xã hội, nhằm hỗ trợ cho quá trình ra quyết định các cấp lãnh đạo.

- Ứng dụng cấp quốc gia:

Thành phần này thể hiện các ứng dụng có quy mô quốc gia, các ứng dụng này được cung cấp bởi các hệ thống thông tin có phạm vi từ Trung ương tới địa phương.

e) Các dịch vụ chia sẻ và tích hợp

Các dịch vụ này được sử dụng để hỗ trợ các ứng dụng lớp trên và CSDL. Đây là các dịch vụ có thể dùng chung, chia sẻ giữa các ứng dụng trong quy mô tỉnh nhằm hạn chế đầu tư trùng lặp, lãng phí, thiếu đồng bộ. Mặt khác, một trong các chức năng quan trọng của các dịch vụ nhóm này là để kết nối, liên thông, tích hợp các ứng dụng từ trung ương đến địa phương.

Hệ thống LGSP đóng vai trò là nền tảng. Với nền tảng này, thông tin nghiệp vụ có thể được trao đổi theo chiều ngang và theo chiều dọc giữa các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh và hệ thống LGSP sẽ là điểm trung gian để kết nối các dịch vụ trong tỉnh cũng như là đầu mối kết nối với các bộ, ngành Trung ương.

g) Hạ tầng kỹ thuật

Thành phần này cung cấp phần cứng, phần mềm máy tính, mạng, thiết bị, an toàn thông tin, cơ sở vật chất để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin. Bao gồm các thành phần chính sau đây:

- Thiết bị phần cứng, phần mềm cho người dùng cuối: Bao gồm máy tính cá nhân, máy tính xách tay, thiết bị hỗ trợ cá nhân và các phần mềm ứng dụng khác.

- Cơ sở hạ tầng mạng bao gồm: Mạng diện rộng của tỉnh (WAN); Mạng cục bộ (LAN); Mạng riêng ảo (VPN); Kết nối Internet.

- Trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ: Gồm các máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ, cáp mạng, nguồn điện, thiết bị làm mát thực hiện quản lý (môi trường, an ninh, vận hành).

- An toàn thông tin: Là thành phần xuyên suốt, là điều kiện bảo đảm triển khai các thành phần của Kiến trúc CQĐT cần được triển khai đồng bộ ở các cấp.

- Quản lý và giám sát dịch vụ: Thành phần này giúp cho các dịch vụ hoạt động thông suốt, hiệu quả và cũng giúp tăng tính sẵn sàng của toàn bộ hệ thống

h) Quản lý chỉ đạo

Bao gồm công tác chỉ đạo, tổ chức, xây dựng các chính sách, các quy chuẩn, hướng dẫn, đào tạo, truyền thông để triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0.



- Chỉ đạo: Thể hiện ở việc thuyết phục được lãnh đạo cấp cao tham gia chỉ đạo, điều phối sự phối hợp, giải quyết các xung đột, vấn đề phát sinh giữa các cơ quan trong tỉnh, đặc biệt là các hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh.

- Tổ chức: Cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ các bên liên quan và quy trình để tổ chức triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0.

- Chính sách: Các chính sách, quy định, quy chế, tiêu chuẩn có tính đặc thù của tỉnh phục vụ việc triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0.

- Phổ biến, tuyên truyền: Thực hiện hướng dẫn, đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức của các cơ quan liên quan trong triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0; các đối tượng được thụ hưởng các dịch vụ, ứng dụng CQĐT của tỉnh Cao Bằng.

**5. Lộ trình thực hiện Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 (phụ lục kèm theo).**

**6. Nguồn vốn thực hiện:** Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Tổ chức công bố công khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0 để các cơ quan nhà nước, các tổ chức trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện các nội dung của Kiến trúc.

- Là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh tổ chức triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0; căn cứ vào tính cấp thiết của từng nhiệm vụ để đề xuất triển khai các thành phần của Kiến trúc nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, xây dựng ban hành các văn bản hướng dẫn, các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ thực hiện Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0.

- Theo thẩm quyền được giao, thẩm định sự phù hợp của các kế hoạch, dự án ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0.

- Tổng hợp báo cáo kết quả, những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0 trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Kiến trúc cho phù hợp (nếu cần thiết).

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính**

- Phối hợp cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các thành phần của Kiến trúc.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; các

chính sách khuyến khích các doanh nghiệp để tăng đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin.

### 3. Các Sở, Ban ngành và các tổ chức có liên quan

Chủ trì tham mưu, đề xuất xây dựng các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, bảo đảm phù hợp với Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0; báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông để thẩm định sự phù hợp và cập nhật vào Kiến trúc CQĐT tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *LS*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, TTTT, TTPVHCC, các CV;
- Lưu: VT, VX (M).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hải Hòa**



Phụ lục

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2021 -2025

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)



181

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ
1.	Nâng cấp, mở rộng, duy trì (vận hành) các hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung	1. Nâng cấp, mở rộng Cổng thông tin điện tử tỉnh - Phần cứng và phần mềm để bảo đảm hoạt động - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống (duy trì hàng năm) - Bảo đảm nội dung (duy trì hàng năm) - Nâng cấp các chức năng đáp ứng các quy định về trang/cổng thông tin điện tử khi cần thiết - Kết nối hệ thống giám sát Chính phủ điện tử
2.		2. Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử - Phần cứng và phần mềm để bảo đảm hoạt động - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống (duy trì hàng năm) - Nâng cấp, chỉnh sửa chức năng để đáp ứng nhu cầu kết nối, nhu cầu của người sử dụng (theo nhu cầu của cán bộ công chức, đơn vị sử dụng) - Nâng cấp, chỉnh sửa chức năng để đáp ứng các quy định của pháp luật (khi có quy định mới) - Kết nối hệ thống thanh toán dịch vụ công trực tuyến (paygov) - Kết nối hệ thống xử lý nghiệp vụ - Kết nối với LGSP/NGSP để khai thác, chia sẻ dữ liệu - Kết nối hệ thống giám sát Chính phủ điện tử - Nâng cấp đáp ứng yêu cầu về mã định danh điện tử theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg
3.		3. Hệ thống mạng văn phòng điện tử liên thông (Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành) - Phần cứng và phần mềm để bảo đảm hoạt động - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống (duy trì hàng năm)

112



STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp chức năng lưu trữ theo quy định về văn thư, lưu trữ, kết nối với lưu trữ cấp tỉnh (theo quy định của Bộ Nội vụ)</li> <li>- Nâng cấp các chức năng phục vụ gửi nhận liên thông theo yêu cầu của Chính phủ (khi có quy định mới)</li> <li>- Kết nối với LGSP/NGSP</li> <li>- Kết nối hệ thống giám sát Chính phủ điện tử</li> <li>- Nâng cấp đáp ứng yêu cầu về mã định danh điện tử theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg</li> <li>- Mở rộng chức năng (các chức năng giao việc, theo dõi tiến độ, đánh giá mức độ hoàn thành công việc)</li> </ul>
4.		<p>4. Hệ thống thư điện tử của tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cứng và phần mềm để bảo đảm hoạt động</li> <li>- Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống</li> <li>- Xử lý sự cố</li> </ul>
5.	Phát triển ứng dụng, hệ thống	<p>1. Hệ thống thông tin báo cáo của địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cứng và phần mềm</li> <li>- Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống (hàng năm sau khi kết thúc đầu tư)</li> <li>- Nâng cấp, chỉnh sửa chức năng để đáp ứng nhu cầu kết nối, nhu cầu của người sử dụng (theo nhu cầu của cán bộ công chức, đơn vị sử dụng)</li> <li>- Kết nối với LGSP/NGSP, hệ thống báo cáo Chính phủ</li> <li>- Mở rộng phạm vi, nội dung báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ</li> </ul>
6.		<p>2. Hệ thống họp và xử lý công việc trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cứng và phần mềm</li> <li>- Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống (hàng năm sau khi kết thúc đầu tư)</li> <li>- Bảo đảm khả năng kết nối với hệ thống họp của Chính phủ (e-cabinet)</li> </ul>
7.		<p>3. Hệ thống xử lý nghiệp vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua sắm phần cứng, phần mềm hệ thống xử lý nghiệp vụ</li> <li>- Xây dựng các nghiệp vụ khai thác dữ liệu từ các Hệ thống thông tin, CSDL của các bộ, ngành nhằm phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.</li> </ul>



STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối với LGSP, NGSP tới các hệ thống nghiệp vụ của các bộ, ngành.</li> <li>- Liên thông, tích hợp với các hệ thống thông tin cấp phép: xây dựng, đất đai, môi trường, du lịch...</li> </ul>
8.		4. Danh mục điện tử dùng chung <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển hệ thống</li> <li>- Kết nối với LGSP/NGSP và Hệ thống DM điện tử dùng chung quốc gia</li> </ul>
9.		5. Cổng dữ liệu của tỉnh <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển hệ thống</li> <li>- Kết nối với LGSP để lấy dữ liệu từ các hệ thống khác, phục vụ cung cấp dữ liệu trên Cổng</li> </ul>
10.		6. Cổng thông tin hỗ trợ người dân, doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển hệ thống</li> <li>- Kết nối với LGSP để sử dụng các dịch vụ dùng chung của tỉnh</li> <li>- Tích hợp với các hệ thống giao việc, giao nhiệm vụ khác để theo dõi, quản lý</li> </ul>
11.		7. Cổng thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố cáo, khiếu nại <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển hệ thống; tích hợp với hệ thống phản ánh, kiến nghị Chính phủ.</li> <li>- Kết nối với LGSP để sử dụng các dịch vụ dùng chung của tỉnh</li> <li>- Tích hợp với các hệ thống giao việc, giao nhiệm vụ khác để theo dõi, quản lý</li> </ul>
12.		8. Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển hệ thống; tích hợp với hệ thống quản lý văn bản</li> <li>- Kết nối với LGSP để sử dụng các dịch vụ dùng chung của tỉnh và trao đổi dữ liệu</li> </ul>
13.		9. Phát triển hệ thống làm việc tại nhà, từ xa, đào tạo trực tuyến cho công chức, viên chức
14.	CSDL	1. Xây dựng CSDL người sử dụng G2C <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị</li> <li>- Kết nối với hệ thống đăng nhập 1 lần (SSO)</li> <li>- Kết nối với các hệ thống</li> </ul>



STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ
15.		2. Xây dựng CSDL cán bộ, công chức, viên chức G2E - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Kết nối với hệ thống đăng nhập 1 lần (SSO) - Kết nối phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức
16.		3. Xây dựng Kho dữ liệu tổng hợp, thống kê, báo cáo - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Kết nối, thu thập dữ liệu chia sẻ mặc định từ các bộ, ngành, tỉnh thành khác - Kết nối, thu thập dữ liệu từ các nguồn dữ liệu trong tỉnh
17.		4. Xây dựng Kho dữ liệu lưu trữ cơ quan và CSDL lưu trữ lịch sử - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Thu thập, số hóa, tạo lập CSDL tài liệu lưu trữ điện tử - Kết nối, đồng bộ dữ liệu cần lưu trữ từ hệ thống quản lý tài liệu điện tử và các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành
18.		5. Xây dựng CSDL về thủ tục hành chính - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Kết nối, thống nhất về thủ tục (mã thủ tục, tên thủ tục, quy trình thực hiện...) với Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử - Kết nối, thống nhất về thủ tục với Cổng dịch vụ công Quốc gia đối với các thủ tục cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia - Kết nối với các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành
19.		6. Xây dựng các CSDL dùng chung (18 CSDL phân hệ tại địa phương - xem Kiến trúc dữ liệu) - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Kết nối với các hệ thống trong tỉnh (qua LGSP) - Kết nối với các CSDL quốc gia, bộ/ngành (qua LGSP/NGSP)
20.		7. Xây dựng các CSDL dùng chung khác (4 CSDL tạo lập – xem Kiến trúc dữ liệu). Các CSDL dùng chung theo yêu cầu thực tế khi triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. - Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối với các hệ thống trong tỉnh (qua LGSP)</li> <li>- Kết nối với các CSDL quốc gia, bộ/ngành (qua LGSP/NGSP)</li> </ul>
21.	LGSP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các phần mềm của LGSP</li> <li>- Xây dựng, nâng cấp API kết nối với NGSP và các Hệ thống thông tin, CSDL của các bộ (thông qua NGSP theo các kết nối đã sẵn sàng trên ngsp.gov.vn)</li> <li>- Xây dựng, nâng cấp các API kết nối với các hệ thống nội bộ nhằm đáp ứng nghiệp vụ</li> <li>- Mua sắm phần cứng (hoặc nâng cấp cấu hình đối với thuê dịch vụ) để bảo đảm hiệu năng và an toàn bảo mật</li> <li>- Triển khai kết nối quốc gia theo mô hình phân tán (NDXP)</li> <li>- Kết nối lấy dữ liệu phục vụ công tác quản lý và công tác báo cáo Chính phủ của địa phương</li> </ul>
22.	Bảo đảm an toàn thông tin	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng các quy định về bảo đảm an toàn thông tin</li> <li>- Xây dựng các phương án bảo đảm an toàn thông tin - Xây dựng các phương án quản lý an toàn thông tin</li> <li>- Tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bảo đảm an toàn thông tin</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá độc lập, định kỳ cho các hệ thống thông tin của tỉnh</li> </ol>
23.		<ol style="list-style-type: none"> <li>2. Triển khai Trung tâm giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC)</li> <li>- Mua sắm phần cứng, phần mềm giải pháp SOC, ứng dụng giám sát an toàn an ninh</li> <li>- Cài đặt, kết nối SOC với các hệ thống cần giám sát</li> <li>- Kết nối hệ thống giám sát quốc gia</li> <li>- Đào tạo, chuyển giao</li> </ol>
24.	Bảo đảm cơ sở hạ tầng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố:</li> <li>- Mua sắm phần cứng, phần mềm</li> <li>- Thuê lắp đặt, cài đặt</li> </ol>



STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ
25.		2. Bảo đảm hạ tầng (nâng cấp) Trung tâm dữ liệu, bảo đảm sẵn sàng tái cấu trúc theo mô hình điện toán đám mây: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch tổng thể phân các vùng mạng, lưu trữ, dự phòng</li> <li>- Quy hoạch mạng diện rộng của tỉnh</li> <li>- Mua sắm bổ sung phần cứng (máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị an toàn bảo mật, thiết bị lưu trữ)</li> <li>- Mua sắm giải pháp kết nối với các mô hình điện toán đám mây.</li> <li>- Quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng.</li> </ul>
26.		3. Triển khai Trung tâm dữ liệu dự phòng của tỉnh
27.		4. Đường truyền số liệu chuyên dùng: Mở rộng điểm kết nối, bảo đảm tốc độ và khả năng kết nối.
28.		5. Triển khai Ipv6: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch chuyển đổi;</li> <li>- Nâng cấp phần cứng, phần mềm, thiết bị chưa tương thích;</li> <li>- Cài đặt, cấu hình IP v6.</li> </ul>
29.		6. Triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) (của tỉnh và của các thành phố, huyện...) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua sắm phần cứng, phần mềm giải pháp, ứng dụng, trang thiết bị</li> <li>- Nền tảng kết nối thiết bị thông minh, cảm biến phục vụ các dịch vụ đô thị thông minh.</li> <li>- Triển khai cài đặt, cấu hình, kết nối hệ thống</li> <li>- Đào tạo, chuyển giao</li> </ul>